Công thức thì hiện tại đơn: **S + V (s/es)+ O**
Công thức thì hiện tại tiếp diễn: **S +am/is/are + V-ing**
Công thức thì hiện tại hoàn thành: **S + have/has + V3/Ved**
Công thức thì quá khứ đơn: **S + V (ed)/ V2+ O**
Công thức thì quá khứ tiếp diễn: **S + was/were + V-ing + O**
Công thức thì tương lai đơn: **S + will + verb**
Công thức thì tương lai gần: **S + am/is/are going to + verb**

Dấu hiệu nhận biết hiện tại đơn: Always (luôn luôn), usually (thường xuyên), often (thường xuyên), every day, every week, every month,..

Dấu hiệu nhận biết hiện tại tiếp diễn: **Now, at the moment, it's + giờ cụ thể + now. Look, watch, listening, keep silent,...**

Dấu hiệu nhận biết hiện tại hoàn thành: **Just - Recently - Lately, Already, Before, Ever, Never, For, Since, Yet, So far - Until now - Up to now - Up to the present**

Dấu hiệu nhận biết quá khứ đơn **Ago, at the past, last,…**

Dấu hiệu nhận biết quá khứ tiếp diễn : **While, when, as, at 10:00 (giờ) last night,...**

Dấu hiệu nhận biết tương lai đơn: **in + thời gian (tương lai), tomorrow, Next day, Next week/ next month/ next year, think**

Dấu hiệu nhận biết tương lai gần: sử dụng các trạng từ chỉ thời gian trong **tương lai có căn cứ và dẫn chứng cụ thể.**

Cách dùng quá khứ đơn + tiếp diễn: Hành động xen vào là thì quá khứ đơn, hành động diễn ra là thì quá khứ tiếp diễn

LIVEWORKSHEETS